VẬN DỤNG KINH NGHIỆM ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ CỦA MỘT SỐ NƯỚC CÓ NỀN GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TRÊN THẾ GIỚI TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG Ở VIỆT NAM

LÊ ĐÌNH HUẤN (*)

TÓM TẮT

Việc chuyển đổi sang học chế tín chỉ tạo sự mềm dẻo của quy trình đào tạo cần phải kết hợp một cách logic với việc phát triển và hiện đại hóa chương trình đào tạo, bao gồm việc đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình và đặc biệt là phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Với những ưu điểm nhất định so với hình thức đào tạo niên chế của các nước trên thế giới, nhiều trường đại học đã cố gắng vận dụng, chuyển đổi hệ thống tổ chức đào tạo ở mức độ cao nhất, cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của mỗi trường, mỗi quốc gia.

Từ khóa: *tín chỉ, đào tạo theo học chế tín chỉ, trường đại học và cao đẳng.*

ABSTRACT

The transition into credit-based education system in order to create the flexibility of the training process should logically combined with the development and modernization of training programs, which include innovation objectives, curriculums and especially the teaching and learning methods, methods for assessing student learning outcomes. With certain advantages compared to yearly-based education form in the world, many universities have tried to manipulate, convert training systems at the highest level, in order to suit the circumstances of each schools, and country.

Keywords: *credit, credit-based education system, universities and colleges.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đào tạo theo tín chỉ được áp dụng khá phổ biến tại các nước có nền giáo dục phát triển hiện nay. Ở Pháp, người ta cũng sử dụng đơn vị tín chỉ (unite de valeur - đơn vị giá trị) để đo khả năng hoàn thành công việc học tập của sinh viên theo học kỳ cho cả khối lượng những môn học bắt buộc và khối lượng những môn học lựa chọn. Ở Anh, người ta còn đi xa hơn, một mặt họ áp dụng phương thức đào tạo theo tín chỉ, mặt khác học chủ trương module hóa toàn bộ chương trình đào tạo đại học. (Hoàng Văn Vân, 2007).

Các nước khác ở Tây Âu như Đức và Bồ Đào Nha mới chỉ tổ chức chương trình đào tạo của họ và những yêu cầu để lấy bằng theo các môn học với những giá trị tính theo tín chỉ. Các nước Italia, Tây Ban Nha và các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa cũ ở Đông Âu cũng bắt đầu chủ trương chuyển phương hướng đào tạo truyền thống sang phương thức đào tạo theo tín chỉ.

Ở châu Á, tín chỉ cũng được áp dụng mạnh mẽ, bắt đầu từ Nhật Bản, Singapore,

(*) Thạc sĩ. Trường Cán bộ Quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

Đài Loan, Hàn Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Trung Quốc, Phillippines…

Ở nước ta, nhằm đáp ứng những đòi hỏi về quy trình đào tạo phải được tổ chức sao cho mọi sinh viên tìm được cách học phù hợp nhất cho mình, đồng thời các trường đại học, cao đẳng thích nghi và đáp ứng được nhanh chóng những yêu cầu của thực tiễn cuộc sống, ngày 15/8/2007, Bộ Giáo dục - Đào tạo đã ban hành Quyết định số 43/2007 về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ". Đây là cơ sở pháp lý để tạo ra một quy trình đào tạo thực tế mềm dẻo hướng về sinh viên để tăng cường tính chủ động cho người học, đảm bảo sự liên thông dễ dàng trong quá trình học tập và tạo ra những con người có khả năng thích ứng cao phù hợp với thị trường lao động trong nước và quốc tế, đồng thời trong xu thế toàn cầu hóa, làm cho giáo dục nước ta nhanh chóng hội nhập với khu vực và thế giới.

2. KHÁI NIỆM TÍN CHỈ

Trong kho tàng các tư liệu nghiên cứu, có khoảng hơn 60 định nghĩa về tín chỉ. Trong đó, định nghĩa về tín chỉ được các nhà quản lý và các nhà nghiên cứu giáo dục ở Việt Nam biết đến nhiều nhất có lẽ là của học giả người Mỹ gốc Trung Quốc James Quann thuộc Đại học Washington. Theo James Quann, "Tín chỉ học tập là một đại lượng đo toàn bộ thời gian bắt buộc của một người học bình thường để học một môn cụ thể, bao gồm (1) thời gian lên lớp; (2) thời gian ở trong phòng thí nghiệm, thực tập hoặc các phần việc khác đã được quy định ở thời khóa biểu; và (3) thời gian dành cho đọc sách, nghiên cứu, giải quyết các vấn đề, viết hoặc chuẩn bị bài…; đối với các môn học lý thuyết một tín chỉ là một giờ lên lớp (với hai giờ chuẩn bị bài) trong một tuần và kéo dài trong một học kỳ 15 tuần; đối với các môn học ở studio hay phòng thí nghiệm, ít nhất là 2 giờ trong một tuần (với 1 giờ chuẩn bị); đối với các môn tự học, ít nhất là 3 giờ làm việc trong một tuần" (James Quann,1995).

3. KINH NGHIỆM ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

3.1. Hoa Kỳ

Hệ thống giáo dục đại học ở Hoa Kỳ được cho là tốt nhất trên thế giới với một đội ngũ đông đảo các nhà bác học, các nhà khoa học dành nhiều giải thưởng quốc gia, quốc tế. Điều này cũng được khẳng định thông qua các tổ chức đào tạo đa dạng, mềm dẻo, linh hoạt và dạy học phát huy tính chủ động và tự lực của sinh viên.

Một đặc điểm ấn tượng là hệ thống giáo dục đại học ở Hoa Kỳ duy trì được chất lượng đào tạo cao với số lượng sinh viên rất lớn. Mô hình đào tạo thành công và được coi là sáng kiến của hệ thống giáo dục Hoa Kỳ đó là hệ thống đào tạo theo tín chỉ.

Tín chỉ là đơn vị đo lường khối lượng lao động học tập của sinh viên để hoàn thành chương trình đào tạo. Ở Hoa Kỳ, hầu hết các trường dạy theo kỳ (semester), mỗi năm học có 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ bao gồm 16 tuần, gồm 15 tuần học và 1 tuần thi. Cũng có một số trường thực hiện đào tạo theo quý (quarter), gồm 9 tháng chia làm 3 (bằng với quý ba tháng trong dương lịch). Như vậy, một tín chỉ của trường dạy theo quarter bằng 2/3 tín chỉ của trường dạy theo học kỳ (Semester).

Sau khi hệ thống giờ - tín chỉ được hình thành trong hệ thống giáo dục Hoa Kỳ, việc sử dụng trong công tác quản lý đã dần lấy đơn vị đo này làm chuẩn trong các vấn đề sau:

- *Hỗ trợ tài chính*: để tránh các trường giả, kém chất lượng mở ra thu phí cao của các nhóm đối tượng được hưởng trợ giúp ưu đãi

của chính phủ liên bang các cơ quan quản lý liên bang đã lấy tín chỉ làm số đo việc học tập bên cạnh các tiêu chuẩn về chất lượng.

- *Báo cáo số liệu*: các nghiên cứu ở cấp liên bang đã góp phần củng cố vai trò của giờ tín chỉ trong hệ thống báo cáo số liệu về giáo dục. Hệ thống dữ liệu liên bang đã bắt đầu lấy số đo về giờ tín chỉ từ những năm 60. Hệ thống Khảo sát Dữ liệu Giáo dục Sau trung học (Intergrated Potsecondary Educational Data System) là một trong những hệ thống như vậy. Các hệ thống liên bang cũng đã trở thành cơ sở cho việc cung cấp thông tin về giáo dục đại học cho công chúng.

- *Hệ thống ngân sách bang*: vào những năm 1960 giờ tín chỉ được sử dụng làm cơ sở cho cấp ngân sách theo công thức của các cơ sở giáo dục đại học công lập. Nhiều bang lập kế hoạch ngân sách tính bằng công thức dựa trên số giờ tín chỉ tính trên con số nhập học.

Ngày nay hệ thống tín chỉ theo mô hình của Hoa Kỳ, với tính chất dễ hiểu, rõ ràng trong tính toán, tiện lợi trong quản lý, đã được nhiều quốc gia hay hệ thống đại học vận dụng trong quản lý đào tạo theo hướng linh hoạt hóa quá trình, tạo cơ hội và lựa chọn cho sinh viên cũng như tính toán các chi phí liên quan tới đào tạo (Lê Đông Phương, 2015).

3.2. Một số nước châu Âu

Các nước châu Âu có nền giáo dục lâu đời nhất với những trường đại học lừng danh trên thế giới. Ngày 19/6/1999, hội nghị Bộ trưởng phụ trách giáo dục đại học của 29 nước trong và ngoài liên minh châu Âu đã được tổ chức ở Bologna. Các nước tham gia hội nghị đã thống nhất những cải tổ cần thiết trong hệ thống giáo dục đại học. Trong đó có nội dung: triển khai áp dụng hệ thống tín chỉ châu Âu nhằm đạt được sự tương thích trong các hệ thống đại học quốc gia, để chuẩn hóa bằng cấp giữa các trường đại học, tạo điều kiện cho việc đào tạo liên thông của sinh viên trong khu vực châu Âu và trên thế giới.

Hệ thống tín chỉ liên minh châu Âu nhằm mục đích tạo không gian giáo dục đại học chung trong toàn châu Âu. Tuy nhiên, cần khẳng định rằng hệ thống này không nhằm tiến tới một sự đồng nhất trong nội dung cũng như phương thức đào tạo của các trường đại học ở châu Âu. Mỗi nước, mỗi trường đại học vẫn giữ những đặc điểm riêng của mình trong quá trình đào tạo. Hệ thống chuyển đổi tín chỉ châu Âu (ECTS) là công cụ chung để tạo ra khung chương trình thống nhất trong toàn khối. ECTS sẽ tạo ra: một chuẩn mực liên thông trong các trường đại học ở châu Âu dựa trên khối lượng giờ học tập; kinh nghiệm vận dụng tư tưởng của học chế tín chỉ từ Mỹ khi chuyển sang các nước khác có truyền thống giáo dục đại học không giống Mỹ.

Việc chọn một đơn vị tín chỉ chung để đánh giá khối lượng các giáo trình được dạy ở các trường nhằm mục tiêu chuẩn hóa bằng cấp đại học, một trong những mục tiêu chính đề ra trong tuyên bố Bologna. Hệ thống ECTS nhằm tạo điều kiện cho sinh viên các nước trong khối dễ dàng đi học tại nước ngoài. Trong quá trình thực hiện cải tổ Bologna, một số nước đã tổ chức giảng dạy theo hệ thống tín chỉ của mình cũng chuyển sang hệ thống ECTS. Một số nước khác chuyển từ niên chế sang chế độ tín chỉ, chọn thẳng ECTS thay vì một hệ thống khác tương đương ECTS, dù ECTS chỉ được Tuyên bố Bologna nêu lên như một gợi ý về một hệ thống tín chỉ.

+ Sự ra đời của các hệ thống chuyển đổi tín chỉ

Thế giới đang trong tiến trình tìm tiếng nói chung ở các chương trình học, nơi sinh viên có thể chuyển đổi từ hệ thống giáo dục này sang hệ thống giáo dục khác mà không

gặp nhiều khó khăn. Chính vì vậy, các nhà giáo dục, khoa học, chuyên môn và quản lý nhà nước lẫn giáo dục đại học đang cố gắng lập ra một không gian giáo dục thống nhất để sinh viên có thể tiếp thu càng nhiều kiến thức càng tốt. Với mục đích đó, một hệ thống được gọi là "hệ thống chuyển đổi tín chỉ" được xây dựng và phát triển ở nhiều nước trên thế giới.

Hệ thống chuyển đổi tín chỉ là một hệ thống được sử dụng cho tất cả các thành phần (hay môn học) của một chương trình học. Tất cả số lượng tín chỉ gộp lại sẽ giúp cho sinh viên có được bằng cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ hay một bằng cấp chuyên môn nào đó. Tín chỉ được sử dụng để đo lường khối lượng công việc của một sinh viên theo các hoạt động học tập đã được lên kế hoạch như lên lớp nghe giảng, tham dự xê-mi-na, hoặc tự học v.v. các tiêu chí này quyết định các đặc trưng cụ thể của các hệ thống tín chỉ khác nhau trong những khóa học gần giống nhau trên thế giới.

+ Các mô hình chuyển đổi tín chỉ

Có hai hệ thống tín chỉ tương đối được sử dụng rộng rãi hiện nay. Đó là Hệ thống Tín chỉ của Hoa Kỳ (The United States Credit System - USCS), được thực hiện từ những năm đầu tiên của thế kỷ XX và Hệ thống Chuyển đổi Tín chỉ của châu Âu (The European Credit Transfer System - ECTS) được xây dựng từ những năm giữa của thập kỷ 80 và được Hội đồng châu Âu công nhận như là một hệ thống thống nhất dùng để đánh giá kiến thức của sinh viên trong khuôn khổ các nước thành viên EU từ năm 1997. ECTS là hệ thống phát triển rộng rãi nhất và được sử dụng cả ở các nước không thuộc Hiệp hội châu Âu. Các nước này sử dụng mô hình ECTS như là bước đầu trong việc xây dựng và phát triển các hệ thống tín chỉ quốc gia và dùng chúng để so sánh với ECTS cũng như để sinh viên có thể chuyển sang học ở các nước sử dụng hệ thống này.

+ Quy trình

Quy trình chuyển đổi tín chỉ của trường đại học này được xây dựng và đồng ý của Bộ Giáo dục nước đó. Qui trình này cũng được thực hiện trong tất cả các cơ sở đào tạo đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Qui trình được thiết kế dựa trên ECTS và các chuẩn mực của giáo dục đại học của đất nước này. Mục đích của hệ thống, như đã đề cập, là giúp củng cố tính linh hoạt trong học tập của sinh viên cho nên tất cả khối lượng công việc trong khóa học được thể hiện rất rõ trong các tín chỉ. Trong khi tính khối lượng kiến thức và kỹ năng của các chương trình giáo dục cơ bản, nhà trường phải dựa vào những điều sau đây:

- 1 tín chỉ tương đương với 36 tiết dạy (mỗi tiết dạy là 45 phút), hay 27 giờ (mỗi giờ là 60 phút).

- Khối lượng công việc tối đa cho sinh viên trong một tuần có thể được tính đến 54 tiết dạy, tức là 1,5 tín chỉ.

Việc tính toán khối lượng công việc của một môn học được dựa vào khối lượng của các tiết dạy chia cho 36, xấp xỉ là một số chẵn, hoặc 0,5 theo điều lệ hiện hành. Các bài thi trong một môn học và nội dung công việc của các bài tập lớn thuộc môn học cũng được tính vào trong khối lượng chung của môn học đó. Thường thì một tuần thực hành được tính bằng 1,5 tín chỉ. Một kỳ thi học kỳ bằng 1 tín chỉ (3 ngày chuẩn bị và một ngày thi). Khối lượng công việc của buổi lễ phát bằng có giá trị quốc gia cuối cùng được tính từ số tuần đã được chia: 1 tuần là 1,5 tín chỉ. Theo ước lượng, khối lượng công việc của một chương trình đào tạo bậc cử nhân 4 năm được tính khoảng chừng 260 tín chỉ, chương trình đào tạo chuyên gia 5 năm

khoảng 320 tín chỉ, cũng giống như các tham số của ECTS (240 và 300 tín chỉ).

Hệ thống chuyển đổi tín chỉ có rất nhiều ưu điểm. Vào mỗi đầu một khóa học mỗi sinh viên mở sẵn một "tài khoản" ("thùng đựng tín chỉ" - "credit basket") có hạn định trước và tài khoản này sẽ được lấp dần bằng các tín chỉ đòi hỏi cho mỗi môn học. Khi đã tích lũy được một số lượng nhất định nào đó, các sinh viên có thể nhận được một bằng cấp tương xứng. Cho đến khi tốt nghiệp, sinh viên, ngoài bằng cấp, còn nhận được một bảng điểm ghi rõ số tín chỉ của mỗi môn học đòi hỏi phải có trong quá trình học tập. Để có thể tham gia vào các thí nghiệm hay các bài tập lớn (cũng có thể gọi là dự án), sinh viên chỉ phải điền vào một mẫu đơn. Sau đó, vào cuối mỗi học kỳ, sinh viên sẽ được nhận từ văn phòng khoa giấy chứng nhận đã tích lũy được một số tín chỉ. Cho đến lúc tốt nghiệp, sinh viên nhận được bằng tốt nghiệp có đính kèm bảng điểm có ghi rõ kết quả của việc tham gia vào các thí nghiệm hay các dự án đó.

4. ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ Ở VIỆT NAM

4.1. Thực trạng

Nơi đầu tiên thực hiện chuyển đổi sang học chế tín chỉ là Trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh (năm học 1993 - 1994), sau đó là các Trường Đại học Đà Lạt, Đại học Thủy sản Nha Trang, Đại học Cần Thơ, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (năm học 1994 - 1995), tiếp theo là Trường Đại học Xây dựng, Đại học Dân lập Thăng Long, Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh… là trường đi đầu trong việc thử nghiệm phương thức đào tạo này, nhưng Trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh đã có sự chuẩn bị rất kỹ càng thông qua việc trao đổi, tìm hiểu, mời chuyên gia của các nước Mỹ, Canada… hướng dẫn, báo cáo kinh nghiệm.

Trường Đại học Cần Thơ triển khi từ năm 1995 và rất chú trọng hoàn thiện quy chế dạy và học sao cho phù hợp với phương thức đào tạo mới.

Trường Đại học Xây dựng Hà Nội là một trong những trường hợp đầu tiên ở miền Bắc thí điểm chuyển đổi sang học chế tín chỉ nhưng phải có tới hơn 7 năm để hoàn thiện chương trình đào tạo như hiện nay.

Để có những quy định chung, làm cơ sở cho các trường chuyển đổi sang phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ, Bộ Giáo dục - Đào tạo đã nghiên cứu và đưa ra quy chế về phương thức đào tạo này. Thời điểm bắt đầu triển khai đào tạo học chế tín chỉ của đa số các trường được gắn với quá trình chuẩn bị và ra đời Quy chế:

- Ngày 26/6/2006, Bộ Giáo dục - Đào tạo đã ban hành quy chế 25/2006/QĐ-BGD&ĐT để hướng dẫn quản lý đào tạo trong giai đoạn chuyển đổi gần sang học chế tín chỉ. Quy chế này có những điểm khác biệt so với quy chế 04/1999/QĐ-BGD&ĐT về: thời gian đào tạo; điều kiện được học tiếp, tạm ngừng, bị buộc thôi học và học vượt; đánh giá học phần; điều kiện thi tốt nghiệp… các điều chỉnh này theo hướng chuyển đổi từng bước quá trình đào tạo theo niên chế sang đào tạo học chế tín chỉ.

- Quy chế 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo về đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Quy chế này đã đưa ra những quy định về đào tạo theo hệ thống tín

chỉ bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

Trong xu thế phát triển chung về đổi mới giáo dục đại học, từ năm học 2005 - 2006, nhiều trường đại học trong cả nước đã chuyển mình theo phương thức đào tạo học chế tín chỉ, tuy nhiên, mỗi trường lại có những cách thức chuyển đổi riêng và đang tích cực nghiên cứu, điều chỉnh để quá trình đào tạo ngày càng hoàn thiện.

Trường Đại học Vinh "thực hiện quy trình đào tạo chuyển từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ từ khóa tuyển sinh năm 2007 - 2008" (Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006). Và triển khai phương hướng, nhiệm vụ trong năm học mới do Bộ Giáo dục - Đào tạo tổ chức ngày 27/8/2008, việc áp dụng học chế tín chỉ trên toàn quốc trong năm học 2008 - 2009 đã có nhiều ý kiến tranh luận. Mặc dù đã có quy chế khung của Bộ Giáo dục - Đào tạo nhưng sự vận dụng trong quá trình triển khai học chế này ở các trường đại học vẫn có những nét đặc thù tùy thuộc vào điều kiện riêng từng trường. Do điều kiện của các trường không giống nhau (về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, số lượng sinh viên,…) nên việc triển khai học chế tín chỉ cũng khác nhau về lộ trình, quy mô và mức độ.

Việc triển khai đào tạo theo phương thức tín chỉ ở Trường Đại học Quốc gia Hà Nội chỉ thuận lợi cho đào tạo liên thông, chuyển đổi tín chỉ và trao đổi sinh viên; còn trong quá trình thực hiện đã gặp rất nhiều bất cập như là chương trình đào tạo vẫn đang được thiết kế cố định theo kiểu niên chế, chưa thể áp dụng để tổ chức đào tạo một cách toàn diện theo tín chỉ. Tính mềm dẻo và linh hoạt của chương trình đào tạo chưa được thể hiện rõ nét, khả năng lựa chọn môn học, lựa chọn lớp môn học chưa nhiều. Cách tổ chức các môn học chung theo kiểu module chưa được quan tâm đúng mức, sinh viên chưa có thói quen tự học, chưa chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp, công tác quản lý đào tạo theo tín chỉ còn quá mới mẻ… (Bộ Giáo dục - Đào tạo, 2007).

Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội đã triển khai áp dụng đào tạo theo tín chỉ từ năm học 2007 - 2008 cho hệ đại học chính quy. Qua thời gian triển khai hơn 3 năm vừa làm vừa học, quy trình quản lý và tổ chức đào tạo đã dần đi vào ổn định, có thể nói quá trình chuyển đổi từ đào tạo niên chế sang đào tạo theo tín chỉ của trường đã thành công. Tuy nhiên, nhà trường cũng có một số kiến nghị về khung quy định chung để có những điểm thống nhất những tiêu chuẩn chung trong hệ thống như thời gian học tập, học kỳ, khối lượng tín chỉ… và chi phí đào tạo tín chỉ lớn hơn nhiều so với đào tạo niên chế do nhiều yếu tố: nhiều môn tự chọn, lớp học nhỏ, kế hoạch mở lớp bị động do phụ thuộc đăng ký của sinh viên… (Bộ Giáo dục - Đào tạo, 2007).

Tính đến năm 2010 có hơn 40 cơ sở giáo dục đại học báo cáo đã chuyển sang phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ. Qua đó có thể thấy rằng học chế học phần ở Việt Nam đã cố gắng đưa quy trình đào tạo gần với học chế tín chỉ của Mỹ như một giai đoạn "quá độ". Đó là quá trình tích lũy dần kiến thức được module hóa dưới dạng các học phần. Hay nói cách khác, học chế học phần ở nước ta đã chứa một số yếu tố của học chế tín chỉ ở Mỹ. Tuy nhiên, học chế học phần chưa thực hiện được tính mềm dẻo trong quá trình đào tạo học chế tín chỉ.

Trước thách thức của thời kỳ đổi mới, thời kỳ phát triển thích ứng với nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, cùng với sự chỉ đạo sát sao của nhà nước, các trường đại học trong hệ thống giáo dục Việt Nam cần tìm được sự đồng thuận trong việc xây dựng mô hình đào tạo theo tín chỉ hoàn chỉnh, phù

hợp với hệ thống giáo dục đại học hiện tại của nước ta.

4.2. Các giải pháp

- *Xây dựng chương trình.* Kiến thức được cấu trúc thành các module (học phần). Quá trình học tập là sự tích lũy kiến thức của người học theo từng học phần; sinh viên tiến tới tự đăng ký học tập và tổ chức lớp học theo học phần; đơn vị học vụ là học kỳ, xét kết quả học tập theo học kỳ chính (một năm học có hai học kỳ chính và một học kỳ phụ); đánh giá học phần là đánh giá quá trình, sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ và thang điểm 4, điểm trung bình chung tốt nghiệp phải 2,0; quy định khối lượng kiến thức phải tích lũy (số tín chỉ tích lũy tối thiểu) cho từng văn bằng. Xếp năm học theo số tín chỉ tích lũy tại thời điểm xem xét; có hệ thống cố vấn học tập am hiểu về chương trình đào tạo và nắm vững tình hình học tập cụ thể của sinh viên; chương trình đào tạo mềm dẻo, có tính liên thông cao, ngoài học phần bắt buộc còn có học phần tự chọn để sinh viên có điều kiện tích lũy thêm tín chỉ và định hướng chuyên môn, nghề nghiệp; bắt buộc áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực theo nguyên tắc lấy sinh viên làm trung tâm; quy chế học vụ trên cơ sở cụ thể hóa "Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Hệ thống tín chỉ".

- *Tổ chức lớp học phần.* Những học phần dự định sẽ tổ chức giảng dạy trong mỗi học kỳ; số lượng sinh viên đăng ký học từng học phần; điều kiện cụ thể về giảng viên giảng dạy; điều kiện cụ thể về cơ sở vật chất đặc biệt là giảng đường; các lớp học phần lý thuyết và thảo luận phải bố trí học vào những tuần xác định trong học kỳ (các tiết bài tập của các học phần có cả lý thuyết và bài tập có thể bố trí cách tuần để đảm bảo sinh viên nắm vững lý thuyết trước khi làm bài tập).

- *Quản lý sinh viên.* Quản lý sinh viên tại các lớp học phần là trách nhiệm của giảng viên trực tiếp giảng dạy và cán bộ lớp học phần; bố trí lịch sinh hoạt lớp cho các lớp sinh viên 01 lần/tuần; quản lý sinh viên tại các lớp sinh viên thông qua giáo viên chủ nhiệm, quản lý ký túc xá, đội tự quản sinh viên, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cán bộ phụ trách công tác sinh viên của phòng đào tạo; thiết lập hệ thống thông tin phản hồi của sinh viên và giảng viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục - Đào tạo - Vụ Đại học, *Về hệ thống tín chỉ học tập*, Hà Nội 1994.

2. Bộ Giáo dục - Đào tạo (1999), Quyết định số 04/1999/QĐ-BGD&ĐT *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy.*

3. Bộ Giáo dục - Đào tạo (2007), Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT *"Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ".*

4. Đại học Quốc gia Hà Nội (2006), *ào tạo theo học chế tín chỉ*, Hà Nội.

5. Lê Đông Phương (2015) *"Lịch sử hệ thống tín chỉ và tác động đối với giáo dục đại học Hoa Kỳ".* Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

6. Hoàng Văn Vân (2007), *Phương thức đào tạo theo tín chỉ: lịch sử, bản chất và những hàm ý cho phương pháp dạy - học ở bậc đại học*.

Ngày nhận bài: 28/10/2015. Ngày biên tập xong: 25/11/2015. Duyệt đăng: 02/12/2015